

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Tổng Giám đốc | 3 |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 4 - 5 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 6 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 9 - 10 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 11 - 39 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 23, được cấp ngày 12 tháng 5 năm 2023.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-------------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch |
| Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên |
| Ông Phạm Viêt Muôn | Thành viên |
| Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương | Thành viên |
| Ông Nguyễn Duy Khánh | Thành viên |
| Ông Bùi Xuân Tùng | Thành viên |

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-------------------------|------------|
| Ông Phạm Viêt Muôn | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương | Thành viên |
| Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên |

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trà My.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 01-05/2023/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11658248/66912682-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) được lập ngày 25 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc Cấp Cao
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 6.757.976.658.686 | 2.928.908.108.403 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 2.853.334.579 | 236.975.923.151 |
| 111 | 1. Tiền | | 2.853.334.579 | 61.548.040.583 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | 175.427.882.568 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 5 | 6.669.999.998.493 | 2.200.000.009.636 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 6.669.999.998.493 | 2.200.000.009.636 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 81.308.230.145 | 487.856.001.571 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 17.740.807.833 | 17.740.807.833 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 518.776.737 | 316.547.492 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 8 | 40.000.000.000 | 481.300.000.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 9 | 40.789.453.408 | 6.239.454.079 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 6 | (17.740.807.833) | (17.740.807.833) |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 3.815.095.469 | 4.076.174.045 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 285.965.426 | 547.044.002 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 290.093.991 | 290.093.991 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 13 | 3.239.036.052 | 3.239.036.052 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 4.580.209.353.660 | 4.582.773.606.347 |
| 210 | I. Phải thu dài hạn | | 89.200.000 | 89.200.000 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | | 89.200.000 | 89.200.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | 10 | 8.345.861.001 | 9.798.331.216 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | | 8.345.861.001 | 9.798.331.216 |
| 222 | Nguyên giá | | 23.832.892.397 | 26.359.896.097 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (15.487.031.396) | (16.561.564.881) |
| 250 | III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | 4.571.622.572.536 | 4.572.841.532.264 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | 11 | 4.601.330.644.264 | 4.601.330.644.264 |
| 254 | 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (29.708.071.728) | (28.489.112.000) |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 151.720.123 | 44.542.867 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 151.720.123 | 44.542.867 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 11.338.186.012.346 | 7.511.681.714.750 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 8.238.104.554.853 | 4.536.010.939.323 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 8.238.104.554.853 | 4.536.010.939.323 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 12 | 309.020.899 | 2.444.224.730 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 208.308.899 | 208.308.899 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13 | 124.256.501 | 531.618.347 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | - | 7.263.687 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 14 | 27.783.429.491 | 29.926.513.619 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 15 | 53.074.481.785 | 33.273.340.483 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | 17 | 8.138.385.303.208 | 4.453.364.643.860 |
| 321 | 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | 9.769.755.760 | 9.769.755.760 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 16 | 8.449.998.310 | 6.485.269.938 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 18 | 3.100.081.457.493 | 2.975.670.775.427 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 3.100.081.457.493 | 2.975.670.775.427 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 2.162.945.800.000 | 2.163.585.800.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 2.162.945.800.000 | 2.163.585.800.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 904.770.143.351 | 904.770.143.351 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (167.188.836.328) | (167.828.836.328) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 11.513.798.268 | 11.513.798.268 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 188.040.552.202 | 63.629.870.136 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 58.629.870.136 | 37.728.031.329 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 129.410.682.066 | 25.901.838.807 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 11.338.186.012.346 | 7.511.681.714.750 |

Trần Thị Trang
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|----------|---|-------------|---|---|
| 21 | 1. Doanh thu hoạt động tài chính | 19 | 334.871.855.625 | 236.093.141.522 |
| 22 23 | 2. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu | 20 | (190.243.143.861) (181.037.637.197) | (115.295.412.021) (113.994.150.037) |
| 26 | 3. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 21 | (15.140.799.270) | (17.846.877.230) |
| 30 | 4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 129.487.912.494 | 102.950.852.271 |
| 31 | 5. Thu nhập khác | | 186.054.834 | 2.157.657 |
| 32 | 6. Chi phí khác | | (263.285.262) | - |
| 40 | 7. (Lỗ)/lợi nhuận khác | | (77.230.428) | 2.157.657 |
| 50 | 8. Tổng lợi nhuận trước thuế | | 129.410.682.066 | 102.953.009.928 |
| 60 | 9. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 129.410.682.066 | 102.953.009.928 |



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-----------|--|-------------|---|---|
| 01 | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 129.410.682.066 | 102.953.009.928 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 10 | 727.084.749 | 786.862.981 |
| 03 | Trích lập các khoản dự phòng | | 1.218.959.728 | 1.079.124.402 |
| 04 | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 7.881.700.823 | - |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | 19 | (334.793.742.886) | (236.093.141.522) |
| 06 | Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu | 20 | 181.037.637.197 | 113.994.150.037 |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (14.517.678.323) | (17.279.994.174) |
| 09 | (Tăng)/giảm các khoản phải thu | | (349.390.926) | 531.705.161 |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (11.493.721.918) | (2.965.130.618) |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | | 153.901.320 | 686.471.562 |
| 13 | (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh | | (4.469.999.988.857) | 1.795.370.780.901 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (154.208.740.196) | (94.813.494.605) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 13 | - | (9.222.374.368) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (1.035.271.628) | (3.492.366.993) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh | | (4.651.450.890.528) | 1.668.815.596.866 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 22 | Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 647.272.727 | - |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (198.000.000.000) | (23.900.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | | 639.300.000.000 | 129.854.718.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | | - | (1.027.892.649.543) |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 300.469.017.977 | 182.618.843.999 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 742.416.290.704 | (739.319.087.544) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 6.127.146.095.890 | 4.072.461.863.014 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | | (2.452.240.000.000) | (5.350.000.000.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính | | 3.674.906.095.890 | (1.277.538.136.986) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
|-------|---|-------------|---|---|
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (234.128.503.934) | (348.041.627.664) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 236.975.923.151 | 526.670.756.792 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 5.915.362 | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 2.853.334.579 | 178.629.129.128 |



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 23, được cấp ngày 12 tháng 5 năm 2023.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là: 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 8 công ty con sở hữu trực tiếp và 21 công ty con sở hữu gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 8 công ty con sở hữu trực tiếp và 20 công ty con sở hữu gián tiếp) được trình bày như sau:

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|---|--|----------------------|-------------------|--|--|
| Các công ty con sở hữu trực tiếp | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Pan Farm (“Công ty PAN Farm”) | 81,91 | 81,91 | Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam | Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp |
| 2 | Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (“Công ty PAN Food”) | 99,99 | 99,99 | Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam | Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư |
| 3 | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty FMC”)* | 50,12 | 47,12 | Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam | Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản |
| 4 | Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty BBC”) | 98,30 | 98,30 | Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|--|---|----------------------|-------------------|--|--|
| Các công ty con sở hữu trực tiếp | | | | | |
| 5 | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty ABT") | 76,48 | 76,48 | Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam | Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản |
| 6 | Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty LAF") | 80,52 | 80,52 | Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam | Gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi |
| 7 | Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("Công ty 584NT") | 73,45 | 73,45 | 1210 Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | Kiểm nghiệm chất lượng chế biến bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản |
| 8 | Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans ("Công ty Golden Beans") | 79,59 | 79,59 | Số 13 Nguyễn Thiệp, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, và trồng cây cà phê |
| Các công ty con sở hữu gián tiếp qua Công ty PAN Farm | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần PAN-HULIC ("PHJSC") | 50,97 | 41,76 | Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác |
| 2 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Vinaseed") | 80,04 | 65,57 | Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam | Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp |
| 3 | Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam ("Công ty VFG") | 51,25 | 41,98 | Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng và các dịch vụ liên quan |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|--|---|----------------------|-------------------|--|---|
| Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty Vinaseed | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây ("HSC") | 53,80 | 35,28 | Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam | Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận |
| 2 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("SSC") | 96,41 | 63,22 | Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại |
| 3 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam | 90,02 | 59,03 | Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam | Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư nông nghiệp |
| 4 | Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (**) | 83,74 | 52,93 | Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị |
| 5 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam | 94,00 | 61,63 | Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam | Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao |
| 6 | Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam | 100 | 64,86 | Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam | Sản xuất kinh doanh hạt giống và nông sản |
| 7 | Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam | 100 | 64,86 | Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh nông sản |
| Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty FMC | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Công ty KAC") | 80,11 | 52,90 | Huyện An Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam | Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản |
| 2 | Công ty TNHH Vĩnh Thuận ("Công ty VTC") | 100 | 47,21 | Thị Xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam | Nuôi trồng thủy sản |
| Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty ABT | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre ("ABT High-Tech") | 100 | 76,47 | Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam | Nuôi trồng thủy sản nội địa; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; và hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác |
| Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty 584NT | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná | 99,80 | 73,29 | Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Địa chỉ | Ngành nghề kinh doanh |
|---|--|----------------------------|-------------------------|---|--|
| Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty BBC | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông | 100 | 98,30 | Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát |
| 2 | Công ty TNHH Bibica Miền Bắc (**) | 100 | 98,30 | Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát |
| 3 | Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội | 100 | 98,30 | Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát |
| 4 | Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa | 100 | 98,30 | Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát |
| 5 | Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây | 100 | 98,30 | Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam | Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát |
| 6 | Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN ("Công ty PAN CG") | 100 | 98,30 | Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam | Bán buôn thực phẩm |
| 7 | Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN ("Công ty PAN FM") (**) | 100 | 98,30 | Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam | Thực hiện các hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác |

(*) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty FMC bao gồm tỷ lệ biểu quyết trực tiếp 37,75% như được trình bày tại Thuyết minh số 11 và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp 12,37% thông qua Công ty ABT.

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Cơ khí Giồng cây trồng Miền Nam, Công ty TNHH Bibica Miền Bắc và Công ty PAN FM đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| Tài sản khác | 3 - 8 năm |

3.5 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Trong trường hợp nguồn lợi nhuận lũy kế dùng để phân phối không được quy định cụ thể, Công ty ưu tiên sử dụng lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát để phân phối. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.10 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Tiền mặt | 203.793.000 | 135.948.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.649.541.579 | 61.412.092.583 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 175.427.882.568 |
| TỔNG CỘNG | <u>2.853.334.579</u> | <u>236.975.923.151</u> |

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | | | |
|-------------------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|----------------------------------|-----------------|-----------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | | | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | | |
| | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá trị hợp lý</i> | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá trị hợp lý</i> |
| Chứng chỉ tiền gửi (**) | 6.669.999.998.493 | - | (*) 2.200.000.009.636 | - | - | (*) |
| TỔNG CỘNG | <u>6.669.999.998.493</u> | <u>-</u> | <u>2.200.000.009.636</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do các khoản đầu tư này chưa được niêm yết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(**) Các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,65%/năm đến 9%/năm. Như được trình bày ở Thuyết minh số 17.1, các chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trên được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh | 17.740.807.833 | 17.740.807.833 |
| TỔNG CỘNG | 17.740.807.833 | 17.740.807.833 |
| Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi | (17.740.807.833) | (17.740.807.833) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | - | - |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-----------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Số đầu kỳ | 17.740.807.833 | 17.884.114.271 |
| Hoàn nhập dự phòng trong kỳ | - | (143.306.438) |
| Số cuối kỳ | 17.740.807.833 | 17.740.807.833 |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| Trả trước cho các bên khác | 518.776.737 | 316.547.492 |
| TỔNG CỘNG | 518.776.737 | 316.547.492 |

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23</i>) | 40.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác | - | 456.300.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 40.000.000.000 | 481.300.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Lãi dự thu từ cho vay | 35.068.493 | 3.372.997.261 |
| Cổ tức được nhận | 17.788.261.500 | - |
| Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi | 21.503.232.860 | 1.550.727.944 |
| Tạm ứng nhân viên | 1.072.385.889 | 866.060.930 |
| Ký quỹ | 390.504.666 | 390.504.666 |
| Khác | - | 59.163.278 |
| | <u>40.789.453.408</u> | <u>6.239.454.079</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i> | <i>17.823.329.993</i> | <i>328.732.045</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn từ các bên khác</i> | <i>22.886.923.415</i> | <i>5.910.722.034</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản khác | Đơn vị tính: VND |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------|---------------|------------------|
| Nguyên giá: | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 13.778.633.885 | 11.514.060.062 | 874.811.650 | 192.390.500 | 26.359.896.097 |
| Thanh lý | - | (2.527.003.700) | - | - | (2.527.003.700) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 13.778.633.885 | 8.987.056.362 | 874.811.650 | 192.390.500 | 23.832.892.397 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 4.511.889.599 | 644.151.180 | 408.582.150 | - | 5.564.622.929 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | (9.563.626.996) | (6.129.901.101) | (757.902.019) | (110.134.765) | (16.561.564.881) |
| Thanh lý | - | 1.801.618.234 | - | - | 1.801.618.234 |
| Khấu hao trong kỳ | (185.956.191) | (479.968.952) | (41.920.559) | (19.239.047) | (727.084.749) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | (9.749.583.187) | (4.808.251.819) | (799.822.578) | (129.373.812) | (15.487.031.396) |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 4.215.006.889 | 5.384.158.961 | 116.909.631 | 82.255.735 | 9.798.331.216 |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 4.029.050.698 | 4.178.804.543 | 74.989.072 | 63.016.688 | 8.345.861.001 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

| STT | | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | | Giá trị đầu tư VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý |
| 1 | Công ty BBC (i) | 1.226.235.664.543 | - | 1.102.392.787.600 | - | 991.784.815.600 |
| 2 | Công ty PAN Foods | 999.900.000.000 | - | (iii) | - | (iii) |
| 3 | Công ty PAN Farm | 999.900.000.000 | - | (iii) | - | (iii) |
| 4 | Công ty FMC | 671.414.451.072 | - | 1.049.098.815.000 | - | 794.846.631.600 |
| 5 | Công ty ABT | 232.298.227.704 | - | 287.742.626.550 | - | 312.509.206.300 |
| 6 | Công ty LAF (ii) | 166.227.626.000 | - | 160.094.353.500 | - | 181.440.267.300 |
| 7 | Công ty 584NT | 145.154.674.945 | - | (iii) | - | (iii) |
| 8 | Công ty KAC | 100.000.000.000 | - | (iii) | - | (iii) |
| 9 | Công ty Golden Beans | 60.200.000.000 | (29.708.071.728) | (iii) | (28.489.112.000) | (iii) |
| | TỔNG CỘNG | 4.601.330.644.264 | (29.708.071.728) | | 4.601.330.644.264 | (28.489.112.000) |

(i) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty BBC tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2023 theo báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày vào khoảng 185 tỷ. Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản đầu tư này không có khả năng bị suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty LAF tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2023 theo báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày vào khoảng 55,7 tỷ. Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản đầu tư này không có khả năng bị suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

(iii) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|---|---------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------------|
| | <u>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</u> | | <u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u> | |
| | <i>Giá trị</i> | <i>Số có khả năng trả nợ</i> | <i>Giá trị</i> | <i>Số có khả năng trả nợ</i> |
| Phải trả cho người bán | 250.330.352 | 250.330.352 | 1.108.196.730 | 1.108.196.730 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23) | 58.690.547 | 58.690.547 | 1.336.028.000 | 1.336.028.000 |
| TỔNG CỘNG | 309.020.899 | 309.020.899 | 2.444.224.730 | 2.444.224.730 |

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>Số phải thu trong kỳ</i> | <i>Số đã thu/cán trừ trong kỳ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.239.036.052 | - | - | 3.239.036.052 |
| TỔNG CỘNG | 3.239.036.052 | - | - | 3.239.036.052 |
| Phải nộp | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 345.507.382 | 1.335.719.085 | (1.606.343.466) | 74.883.001 |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 225.139.649 | (175.766.149) | 49.373.500 |
| Khác | 186.110.965 | 270.434.210 | (456.545.175) | - |
| TỔNG CỘNG | 531.618.347 | 1.831.292.944 | (2.238.654.790) | 124.256.501 |

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Lãi trái phiếu | 23.682.630.136 | 23.682.630.138 |
| Lãi vay | 3.252.950.376 | 4.146.383.481 |
| Khác | 847.848.979 | 2.097.500.000 |
| TỔNG CỘNG | 27.783.429.491 | 29.926.513.619 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Bảo hiểm và kinh phí công đoàn | 92.780.076 | 92.780.076 |
| Phải trả khác | 6.200.492.583 | 4.193.228.896 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23) | 46.781.209.126 | 28.987.331.511 |
| TỔNG CỘNG | <u>53.074.481.785</u> | <u>33.273.340.483</u> |

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Số đầu kỳ | 6.485.269.938 | 6.479.443.731 |
| Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 3.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Sử dụng trong năm | <u>(1.035.271.628)</u> | <u>(4.994.173.793)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>8.449.998.310</u> | <u>6.485.269.938</u> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Đơn vị tính: VND |
|---|------------------------------|--------------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------|
| Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17.1) | 2.452.240.000.000 | 6.000.000.000.000 | (2.452.240.000.000) | 6.000.000.000.000 | |
| Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.2) | 1.135.000.000.000 | - | - | 1.135.000.000.000 | |
| Chi phí phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 17.2) | (6.715.356.140) | (7.478.561.644) | 10.114.563.458 | (4.079.354.326) | |
| Vay đối tượng khác (*) | - | 55.000.000.000 | (35.000.000.000) | 20.000.000.000 | |
| Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23) | 872.840.000.000 | 161.503.835.616 | (46.879.178.082) | 987.464.657.534 | |
| TỔNG CỘNG | 4.453.364.643.860 | 6.209.025.273.972 | (2.524.004.614.624) | 8.138.385.303.208 | |

(*) Đây là các khoản vay có kỳ hạn dưới 1 tháng từ Công ty Cổ phần Đường Mặt Trời với lãi suất 11,5%/năm.

17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay này để đầu tư chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (ngoại trừ cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp). Chi tiết như sau:

| Ngân hàng | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất | Hình thức đảm bảo | Đơn vị tính: VND |
|---|-----------------------------|---|---|---|------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch | 6.000.000.000.000 | Thời hạn trả gốc theo từng giấy nhận nợ với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 25 tháng 12 năm 2023. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng | Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ | Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Thuyết minh số 5) | |
| TỔNG CỘNG | 6.000.000.000.000 | | | | |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu phát hành

Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01-09/2018/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị vào ngày 3 tháng 9 năm 2018 về việc phát hành trái phiếu với số lượng phát hành là 1.135 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,8%/năm, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 9 năm 2023. Đại lý phát hành và bảo lãnh là Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), là một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

| <i>Trái chủ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | | | |
|---|---------------------------------|-------------------------|--|--------------------------|
| | <i>Giá trị (VND)</i> | <i>Lãi suất (%/năm)</i> | <i>Kỳ hạn</i> | <i>Hình thức đảm bảo</i> |
| Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) | 845.000.000.000 | 6,8% | Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm. | (*) |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) | 170.000.000.000 | 6,8% | Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm. | (*) |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam | 75.000.000.000 | 6,8% | Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm. | (*) |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam | 45.000.000.000 | 6,8% | Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm. | (*) |
| TỔNG CỘNG | 1.135.000.000.000 | | | |
| Chi phí phát hành | (4.079.354.326) | | | |
| Giá trị thuần | 1.130.920.645.674 | | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i> | 1.130.920.645.674 | | | |

(*) Công ty thế chấp 8.778.365 cổ phiếu niêm yết của một công ty con của Công ty và 9.388.862 cổ phiếu niêm yết của một công ty con khác của Công ty để làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu phát hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|--|-------------------|-------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------|
| Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 | | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 2.163.585.800.000 | 904.770.143.351 | (167.828.836.328) | 11.513.798.268 | 44.728.031.329 | 2.956.768.936.620 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 102.953.009.928 | 102.953.009.928 |
| Trích thù lao HĐQT, BKS | - | - | - | - | (2.000.000.000) | (2.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (5.000.000.000) | (5.000.000.000) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2022 | 2.163.585.800.000 | 904.770.143.351 | (167.828.836.328) | 11.513.798.268 | 140.681.041.257 | 3.052.721.946.548 |
| Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 2.163.585.800.000 | 904.770.143.351 | (167.828.836.328) | 11.513.798.268 | 63.629.870.136 | 2.975.670.775.427 |
| Hủy cổ phiếu quỹ (*) | (640.000.000) | - | 640.000.000 | - | - | - |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 129.410.682.066 | 129.410.682.066 |
| Trích thù lao HĐQT, BKS (**) | - | - | - | - | (2.000.000.000) | (2.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**) | - | - | - | - | (3.000.000.000) | (3.000.000.000) |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 2.162.945.800.000 | 904.770.143.351 | (167.188.836.328) | 11.513.798.268 | 188.040.552.202 | 3.100.081.457.493 |

(*) Theo Nghị quyết số 01-04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án giảm vốn điều lệ từ 2.163.585.800.000 VND xuống 2.162.945.800.000 VND thông qua hủy 64.000 cổ phiếu quỹ. Việc giảm vốn điều lệ của Công ty đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 23 số 0301472704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 12 tháng 5 năm 2023.

(**) Việc trích thù lao HĐQT, BKS và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 26 tháng 4 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

| | Đơn vị tính: VND | |
|--------------------------------------|---|---|
| | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | |
| Số đầu kỳ | 2.163.585.800.000 | 2.163.585.800.000 |
| Giảm trong kỳ | (640.000.000) | - |
| Số cuối kỳ | 2.162.945.800.000 | 2.163.585.800.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã công bố | | |
| Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 0 VND | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả | - | - |

18.3 Cổ phiếu

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Số cổ phần | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Số cổ phần |
|--|---|--|
| Cổ phiếu đã được duyệt | 216.294.580 | 216.358.580 |
| Cổ phiếu đã phát hành Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 216.294.580 | 216.358.580 |
| Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) Cổ phiếu phổ thông | (7.399.830) | (7.463.830) |
| Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông | 208.894.750 | 208.894.750 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Thu nhập từ cổ tức | 185.922.316.300 | 143.216.567.745 |
| Lãi cho vay, thu nhập từ chứng chỉ tiền gửi và lãi tiền gửi | 148.949.539.325 | 76.282.748.777 |
| Lãi từ hoán đổi cổ phiếu | - | 16.593.825.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>334.871.855.625</u> | <u>236.093.141.522</u> |

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí lãi vay | 170.923.073.739 | 103.879.586.579 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 10.114.563.458 | 10.114.563.458 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 7.881.700.823 | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 1.218.959.728 | 1.222.430.840 |
| Khác | 104.846.113 | 78.831.144 |
| TỔNG CỘNG | <u>190.243.143.861</u> | <u>115.295.412.021</u> |

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.931.604.886 | 10.646.469.979 |
| Chi phí nhân viên | 5.409.881.935 | 6.529.577.046 |
| Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 10</i>) | 727.084.749 | 786.862.981 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (143.306.438) |
| Khác | 72.227.700 | 27.273.662 |
| TỔNG CỘNG | <u>15.140.799.270</u> | <u>17.846.877.230</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-----------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |
| TỔNG CỘNG | - | - |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 129.410.682.066 | 102.953.009.928 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 25.882.136.413 | 20.590.601.986 |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí lãi vay không được trừ | - | 439.972.603 |
| Chi phí không được khấu trừ | 133.227.905 | 349.092.382 |
| Thu nhập từ cổ tức | (37.184.463.260) | (28.643.313.549) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận từ lỗ tính thuế | 11.169.098.942 | 7.263.646.578 |
| Thu nhập thuế TNDN | - | - |

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 55.845.494.710 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 48.978.477.882 VND). Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế (*) | Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
|------------------|--------------------------|--------------------------|---|--------------|---|
| | | | Không được chuyển lỗ | Đã chuyển lỗ | |
| 2022 | 2027 | (48.978.477.882) | - | - | (48.978.477.882) |
| 2023 | 2028 | (55.845.494.710) | - | - | (55.845.494.710) |
| TỔNG CỘNG | | (104.823.972.592) | - | - | (104.823.972.592) |

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế này do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trong kỳ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> |
|---|---|
| Công ty PAN Farm | Công ty con |
| Công ty PAN Food | Công ty con |
| Công ty FMC | Công ty con |
| Công ty BBC | Công ty con |
| Công ty ABT | Công ty con |
| Công ty LAF | Công ty con |
| Công ty 584NT | Công ty con |
| Công ty Golden Beans | Công ty con |
| Công ty PHJSC | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Vinaseed | Công ty con gián tiếp |
| Công ty VFG | Công ty con gián tiếp |
| Công ty HSC | Công ty con gián tiếp |
| Công ty SSC | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH Bibica Miền Bắc | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây | Công ty con gián tiếp |
| Công ty PAN CG | Công ty con gián tiếp |
| Công ty PAN FM | Công ty con gián tiếp |
| Công ty KAC | Công ty con gián tiếp |
| Công ty ABT High-Tech | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná | Công ty con gián tiếp |
| Công ty VTC | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH Hải Yến | Công ty liên kết của công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Atani Holdings | Công ty liên kết của công ty con |
| Công ty TNHH Thương mại Coco Food Việt Nam | Công ty có liên quan tới lãnh đạo chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Huro | Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt |
| Công ty Cổ phần CSC Việt Nam | Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt |
| Công ty TNHH Tư vấn NDH | Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt |
| Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh | Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân | Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI | Cổ đông lớn, Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt |
| Công ty TNHH Đầu tư NDH Việt Nam | Cổ đông lớn, Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt |
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch Hội đồng Quản trị "HĐQT" |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc |
| Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT/Thành viên ban Kiểm toán nội bộ |
| Ông Phạm Việt Muôn | Thành viên HĐQT/Trưởng ban Kiểm toán nội bộ |
| Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương | Thành viên HĐQT/Thành viên ban Kiểm toán nội bộ |
| Ông Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT |
| Ông Bùi Xuân Tùng | Thành viên HĐQT |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nghiệp vụ | Đơn vị tính: VND | |
|--|--|--------------------------------------|---|---|
| | | | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI | Cổ đông lớn | Lãi chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi | 5.875.629.364 | 24.378.731.450 |
| | | Lãi tiền gửi | 1.506.383.148 | 1.066.516.580 |
| | | Phí dịch vụ | 75.251.702 | 1.171.296.828 |
| Công ty PAN CG | Công ty con gián tiếp | Cổ tức | - | 26.997.300.000 |
| | | Đi vay | 40.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| | | Trả gốc vay | 40.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| | | Lãi đi vay | 679.520.547 | 585.616.440 |
| Công ty FMC | Công ty con | Cổ tức | 49.369.356.000 | 49.369.356.000 |
| Công ty PAN Food | Công ty con | Đi vay | - | 839.900.000.000 |
| | | Nhận chuyển nhượng cổ phần | - | 501.837.505.000 |
| | | Thanh toán khoản vay | - | 105.000.000.000 |
| | | Lãi đi vay | 17.313.319.462 | 12.942.031.782 |
| | | Cổ tức | 89.991.000.000 | - |
| Công ty PAN Farm | Công ty con | Đi vay | 107.503.835.616 | - |
| | | Cổ tức | - | 49.995.000.000 |
| | | Thu hồi khoản cho vay | 159.200.000.000 | 26.500.000.000 |
| | | Cho vay | - | 23.900.000.000 |
| | | Lãi cho vay | 7.216.438.353 | 4.521.513.700 |
| | | Thanh toán một phần gốc và lãi vay | 6.879.178.082 | - |
| | | Lãi đi vay | 526.197.617 | - |
| Công ty LAF | Công ty con | Cổ tức | 17.788.261.500 | - |
| | | Lãi cho vay | 142.150.685 | - |
| | | Chi hộ | 111.726.374 | - |
| Công ty PHJSC | Công ty con gián tiếp | Đi vay | 14.000.000.000 | - |
| Công ty KAC | Công ty con | Cổ tức | 7.000.000.000 | 4.900.000.000 |
| | | Chi hộ | 121.701.174 | - |
| Công ty ABT | Công ty con | Cổ tức | 18.012.058.000 | 9.006.029.000 |
| Công ty 584NT | Công ty con | Cổ tức | 3.761.640.800 | 4.702.051.000 |
| Công ty BBC | Công ty con | Mua cổ phần | - | 1.244.670.326.543 |
| Công ty TNHH Thương mại Coco Food Việt Nam | Công ty có liên quan tới lãnh đạo chủ chốt | Mua hàng hóa | 2.069.036.714 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty cho vay, đi vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả (ngoại trừ các khoản vay và cho vay) tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2022: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| | | | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|-----------------------|------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nghiệp vụ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| <i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i> | | | | |
| Công ty PAN CG | Công ty con gián tiếp | Cho vay | 40.000.000.000 | - |
| Công ty PAN Farm | Công ty con | Cho vay | - | 25.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 40.000.000.000 | 25.000.000.000 |

Chi tiết khoản cho vay như sau:

| <i>Bên vay</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Kỳ hạn trả gốc</i> | <i>Hình thức đảm bảo</i> |
|----------------|---------------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Công ty PAN CG | 40.000.000.000 | Ngày 3 tháng 7 năm 2023 | Tin chấp |

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nghiệp vụ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
|---|-----------------------|------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| <i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI | Cổ đông lớn | Lãi dự thu | - | 209.632.045 |
| Công ty LAF | Công ty con | Cổ tức phải thu | 17.788.261.500 | - |
| Công ty PAN CG | Công ty con gián tiếp | Chi hộ | 35.068.493 | - |
| Công ty BBC | Công ty con | Chi hộ | - | 39.900.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 17.823.329.993 | 249.532.045 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nghiệp vụ | Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|--|--|------------------|--------------------------|---------------------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12) | | | | |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI | Cổ đông lớn | Phí dịch vụ | - | 1.128.128.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn NDH | Cổ đông lớn | Phí dịch vụ | - | 207.900.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Coco Food Việt Nam | Công ty có liên quan tới lãnh đạo chủ chốt | Phí dịch vụ | 58.690.547 | - |
| | | | 58.690.547 | 1.336.028.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15) | | | | |
| Công ty PAN Food | Công ty con | Phải trả lãi vay | 46.300.650.973 | 28.987.331.511 |
| Công ty PHJSC | Công ty con gián tiếp | Phải trả lãi vay | 12.273.973 | - |
| Công ty PAN Farm | Công ty con | Khác | 468.284.180 | - |
| | | | 46.781.209.126 | 28.987.331.511 |
| Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17) | | | | |
| Công ty PAN Food | Công ty con | Gốc vay | 872.840.000.000 | 872.840.000.000 |
| Công ty PAN Farm | Công ty con | Gốc vay | 100.624.657.534 | - |
| Công ty PHJSC | Công ty con gián tiếp | Gốc vay | 14.000.000.000 | - |
| | | | 987.464.657.534 | 872.840.000.000 |

Chi tiết khoản vay như sau:

| Hợp đồng | Số cuối năm | Kỳ hạn trả gốc | Hình thức đảm bảo |
|-------------------------------------|------------------------|---------------------------|-------------------|
| 10/2021/HĐTD/PF-PAN PL4 | 42.940.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Tín chấp |
| 2101/2023/HĐTD/PANFOOD-PAN PL2 | 500.900.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Tín chấp |
| 1605/2023/HĐTD/PANFOOD-PAN PL2 | 159.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Tín chấp |
| 3005/2023/HĐTD/PF-PAN PL2 | 170.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Tín chấp |
| 01.2023.HĐTD.PAN-PANFARM-31.05.2023 | 77.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Tín chấp |
| 03.2023.HĐTD.PAN-PANFARM-31.05.2023 | 23.624.657.534 | Ngày 30 tháng 11 năm 2023 | Tín chấp |
| 26062023/HĐTD /PAN-PHJ | 14.000.000.000 | Ngày 14 tháng 7 năm 2023 | Tín chấp |
| TỔNG CỘNG | 987.464.657.534 | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc như sau:

| | | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------------|---|--|--|
| | <i>Chức vụ</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> |
| Ông Nguyễn Duy Hưng | Chủ tịch HĐQT | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch/ Tổng Giám đốc | 1.906.923.077 | 4.737.619.231 |
| Bà Hà Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT/ Thành viên ban Kiểm toán nội bộ | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Ông Phạm Viết Muôn | Thành viên HĐQT/Trưởng ban Kiểm toán nội bộ | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương | Thành viên HĐQT/ Thành viên ban Kiểm toán nội bộ | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Ông Nguyễn Duy Khánh | Thành viên HĐQT | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Ông Bùi Xuân Tùng | Thành viên HĐQT | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Ông Đặng Kim Sơn | Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022/ Thành viên ban Kiểm toán nội bộ | - | 60.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | <u>2.476.923.077</u> | <u>5.367.619.231</u> |



24. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
| Dưới 1 năm | <u>2.114.430.000</u> | <u>2.372.808.000</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>2.114.430.000</u> | <u>2.372.808.000</u> |

Cam kết khác

Theo các Thỏa thuận với các nhà đầu tư liên quan tới việc góp vốn vào công ty PAN Farm – công ty con của Công ty với số tiền là 400 tỷ VND, các nhà đầu tư sở hữu cổ phần có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp này trong trường hợp công ty PAN Farm không đáp ứng được một số yêu cầu trong hợp đồng. Giá mua lại được tính toán dựa trên công thức được thỏa thuận trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

